

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 58 /2021/HSST
Ngày: 12 - 8 - 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Bình - nghề nghiệp: giáo viên
Ông Lê Văn Lợi

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hợp - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST- HS ngày 31 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 7 năm 2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 04/8/2021. Thông báo mở lại phiên tòa số 06 ngày 05/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Tô Văn D, sinh ngày 23/4/2003; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn V và bà Uông Thị X; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam: ngày 30/01/2021 đến ngày 10/02/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/2003; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam ; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến ngày 08/4/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Tô Văn H, sinh ngày 20/9/2003; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn G và bà Lê Thị H (đã ly hôn); vợ: chưa (hiện đang chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị T SN 2003 ở thôn 3, xã Q huyện Q, (chưa đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam: từ ngày 11/02/2021 đến ngày 26/4/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Bá C, sinh ngày 22/3/1999; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam ; con ông (không xác định được) và bà Lê Thị X; có vợ Lê Thị Hương T và 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam: từ ngày 04/02/2021 đến ngày 02/3/2021 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Văn S, sinh ngày 07/10/1991; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị T; có vợ Lê Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Trịnh Viết L, sinh ngày 25/3/2003; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Viết K và bà Phạm Thị H; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Cao Anh H, sinh ngày 17/10/2003; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn H và bà Uông Thị H; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 10/8/2003; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Cao Thị Q; vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:*

Anh Đỗ Xuân T - sinh ngày 09/11/2003 (có mặt)
Trú tại: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đặng Thị Q - sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn X, Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

** Người đại diện hợp pháp cho bị hại:*

Ông Đỗ Xuân B - sinh năm 1978 (bố anh T) - có mặt
Trú tại: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá.

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Tô Văn H*

Bà Bùi Thị L - sinh năm 1961 (bà nội bị cáo) - có mặt
Địa chỉ: Thôn 3, xã Quảng T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Cao Anh H*

Bà Uông Thị H - sinh năm 1983 (mẹ bị cáo) - có mặt
Địa chỉ: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đỗ Xuân T:*

Bà Mai Thùy L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý
Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - có mặt

** Người bào chữa cho các bị cáo Tô Văn D, Trịnh Viết L, Nguyễn Xuân Q.*

Ông Lê Khắc H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý
Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - có mặt

** Người bào chữa cho bị cáo Cao Anh H.*

Ông Trịnh Văn T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp
lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

** Người bào chữa cho bị cáo Tô Văn H.*

Bà Hoàng Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý
Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ-ợc tóm tắt nh- sau:

Khoảng 22h ngày 02/01/2021, Tô Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha BKS 36B7-503.15 chở Tô Văn H và Cao Anh H đi chơi. Đến thôn T, xã T, huyện Q, D nhìn thấy trong quán trà chanh Beerchill nằm phía Tây đường 4A (do chị Đặng Thị Q SN 1995 ở thôn Xuân Uyên, thị trấn T, huyện Q làm chủ) có anh Đỗ Xuân T SN 2003 ở Thôn D, xã Q, huyện Q đang ngồi uống nước cùng với 4 người bạn là Phạm Văn H, Phạm Khoa T, Phạm Văn Đ và Nguyễn Tiến D. Do trước đó D với T đã từng xảy ra mâu thuẫn, nên D nảy sinh ý định đánh T, D nói với H và H “ Ở đây rình đánh thằng T”, nghe D nói vậy, H và H đồng ý. Cùng lúc này Trịnh Viết L (bạn D) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha BKS 36B7- 398.82 đi chơi ngang qua, D nói với L “Đứng

đây đợi tý đánh thằng này với tao”, nghe vậy L đồng ý. Sau đó cả nhóm đi lại quán nước Tiamon ở phía Tây đường 4A cách quán Beerchill khoảng 15-20m đứng. Thấy nhóm T đông người nên D gọi điện cho Nguyễn Văn T (là bạn) nói “Mày xuống quán Tiamon ở T đánh thằng này với tao”, T đồng ý. T gọi điện cho Lê Bá C “Về đi việc với em”. Sau đó T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 36B7-808.28 đem theo 01 đoạn gậy 3 khúc có hàn lưỡi dao dài khoảng 15cm đến phòng trọ của C ở xã Q thì gặp C và Phạm Văn S, Nguyễn Xuân Q đang ngồi chơi ở đây; T nói với C, S và Q; “Thằng em của em đang bị đánh dưới Sô Tô, mấy anh em đi xuống giúp nó tý”, nghe T nói vậy C, S, Q đều hiểu T rủ đi đánh nhau và đồng ý tham gia.

Sau đó, T điều khiển xe mô tô Vision BKS 36B7-808.28 chở C; Q điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX BKS 36B4-523.13 chở S kèm theo 01 đoạn gậy 3 khúc; cả nhóm đi theo đường 4A xuống xã T. Trong lúc này D bảo H, H, L đi đón T. Khi đến thôn T, xã T thì gặp T, C, S, Q. Gặp nhau T hỏi D “Bọn nó đang ở đâu”, D trả lời “Nó đang ở quán nước dưới đây, đi theo tao”. Sau đó Hoàn đi xe mô tô chở D đi trước dẫn đường, cả nhóm đi đến quán Beerchill thì dừng lại đứng ngoài đường và thống nhất với nhau: H sẽ gọi T ra ngoài để đánh, ai đem hung khí gì thì dùng, nếu không đem hung khí thì vào lấy đồ trong quán để đánh T. Thống nhất xong H nhặt 01 viên gạch ở rìa đường đi lại gọi T ra ngoài nhưng T không ra nên H ném viên gạch về phía Trường đang ngồi bên tay phải tại bàn uống nước đặt ở góc phía Đông - Bắc của quán. Thấy vậy Phạm Khoa T liền lấy cốc uống nước bằng thủy tinh trên bàn ném về phía H. Lúc này Tô Văn D cũng chạy vào quán rút chiếc bật lửa có hình dạng súng dài khoảng 20cm cật dấu trong người dơ về phía T đe dọa, đồng thời lấy chông ghế nhựa trước quán ném T. Bị ném H, Đ, T, D đứng dậy bỏ chạy vào nhà vệ sinh phía trong quán đóng cửa trốn. T chạy lại phía sau quầy thu ngân, cùng lúc này T, C, L, H, H, Q, S từ ngoài đường chạy vào nhặt gạch, nghế, ống điều hút thuốc缭绕 bằng tre và cốc thủy tinh trong quán ném đánh T. Tô Văn H chạy vào đến vị trí bàn uống nước (nơi T và số bạn ngồi) cúi xuống nhặt mảnh vỡ thủy tinh để ném T thì phát hiện thấy 01 điện thoại di động Iphone 7Plus màu hồng rơi dưới nền nhà, do không biết đây là điện thoại của ai làm rơi nên H nhặt cất vào túi áo. Lúc này T, S dùng ghế và gậy 3 khúc đánh nhiều nhất vào lưng, vai T làm T bị ngã xuống nền nhà, cùng lúc D lấy 01 con dao inox cán gỗ dài 30,5cm để trên quầy thu ngân chạy lại chém 02 phát thì trúng vào đầu T, sau đó D dùng chân đạp 01 cái vào người T rồi đi ra ngoài vứt con dao ở góc cây phía trước quán rồi cùng với H, H, L, T, C, S, Q lấy xe đi về. D đường T và S vút 2 gậy ba khúc trên đường nhưng không xác định được vị trí.

Đối với Đỗ Xuân T sau khi bị đánh đã được đưa đi Bệnh viện đa khoa huyện Q cấp cứu và điều trị từ ngày 02/01/2021 đến ngày 11/01/2021 thì xuất viện (10 ngày). Tại biên bản xem xét dấu vết thân thể anh Đỗ Xuân T ngày

03/01/2021 tại Bệnh viện đa khoa huyện Q xác định anh T bị các vết thương như sau:

- 01 vết rách da, chảy máu dài 3cm tại đỉnh đầu bên phải, vết sắc gọn.
- 01 vết rách da làm đứt sụn vành tai trái, vết dài 03cm, vết sắc gọn.
- 01 vết sung nề KT (5x2)cm tại bờ vai phải; 01 vết sung nề KT (5x2)cm tại vùng giữa lưng bên phải; 01 vết sung nề KT (5x2)cm tại vùng vai trái.
- Tại mặt trước cẳng chân phải có 01 vết xây xước da dài 10cm, vết kéo dài không liên tục rộng 2cm
- Mặt trước cẳng bên trái có 02 vết xây xước da KT (2x1)cm, hai vết cách nhau 15cm

Tại Bệnh án ngoại khoa số 2100000520 ngày 11/01/2021 của Bệnh viện đa khoa huyện Q, tỉnh Thanh Hóa kết luận anh T bị đa vết thương hở do đánh, chấn động não.

Ngày 11/01/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q trung cầu Trung tâm giám định pháp y tỉnh Thanh Hóa giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Đỗ Xuân T. Tại bản kết luận giám định pháp y vết thương tích số 14/2021/TTPY ngày 19/01/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt sau 1/3 trên vành tai trái, sẹo liền tốt, vành tai không co rúm: 0,3%.
- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước 1/3 trên vành tai trái, sẹo liền tốt, vành tai không co rúm: 0,3%
- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước cẳng chân phải, kích thước sẹo trung bình: 02%.
- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước 1/3 giữa cẳng chân trái, kích thước sẹo nhỏ: 01%.
- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu bên phải, kích thước sẹo nhỏ: 01%.
- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước 1/3 trên cẳng chân trái, kích thước sẹo nhỏ: 01%.
- Vết thâm, biến đổi rối loạn sắc tố da vùng vai phải: 01%.
- Vết thâm, biến đổi rối loạn sắc tố da vùng giữa lưng bên phải: 01%.
- Các chấn thương, vết thương phần mềm khác đã được điều trị, hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương chức năng do chấn thương: 0%.

Kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Đỗ Xuân T được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 12%. (mười hai phần trăm).

Theo báo cáo của anh Đỗ Xuân T, thời gian điều trị tại bệnh viện, anh phải chi phí điều trị hết 34.738.000đ, ngoài ra anh T đề nghị bồi thường về sức

khỏe một lần là 50.000.000đ. Tổng số tiền anh T yêu cầu bồi thường là 94.738.000đ. Tuy nhiên anh T chỉ cung cấp cho cơ quan điều tra 02 hóa đơn của Bệnh viện đa khoa huyện Q về số tiền 1.668.892đ, số tiền điều trị thương tích còn lại anh T không cung cấp được hóa đơn mà tự thống kê báo cáo và giao nộp kèm theo các loại giấy tờ liên quan. Trong quá trình điều tra, Tô Văn D, Tô Văn H, Cao Anh H, Trịnh Viết L, Nguyễn Xuân Q và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho T mỗi đối tượng bồi thường số tiền 10.000.000đ; Lê Bá C, Phạm Văn S mỗi đối tượng đã bồi thường cho T số tiền 5.000.000đ. Trong quá trình chuẩn bị xét xử ngày 30/7/2021 bị cáo Tuấn và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại T số tiền 5.000.000đ, đại diện gia đình bị hại ông Đỗ Xuân B (bố T) đã nhận đầy đủ. Tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường cho T là 65.000.000đ.

Quá trình điều tra Tô Văn D khai nhận: mục đích D đánh T vì trước đó hai bên có mâu thuẫn với nhau, D đánh T chỉ nhằm mục đích gây thương tích, chứ không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng của T. Khi T bị T và S đánh ngã xuống nền nhà cũng là lúc D chạy lại lấy con dao để trên quầy thu ngân nhằm vào T để chém, chứ không nhằm vào vị trí cụ thể nào, bản thân D không để ý rõ D chém vào vị trí nào trên người T vì do sự việc diễn biến quá nhanh. Do đó không có căn cứ xử lý Tô Văn D về hành vi “Giết người”.

Đối với Tô Văn H đã có hành vi nhặt chiếc điện thoại di động Iphone 7Plus màu hồng rơi xuống nền quán đem về nhà. Quá trình điều tra H khai nhận: Khi nhìn thấy chiếc điện thoại H nghĩ là bạn trong nhóm H làm rơi nên nhặt đem về nhà, sau đó H đã giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại trên là của anh Đỗ Xuân T đánh rơi tại quán Beerchill. Tuy nhiên anh T khai nhận, anh không xác định được chiếc điện thoại rơi ở đâu, sau này được cơ quan điều tra thông báo anh mới biết điện thoại rơi ở quán Beerchill, anh T khẳng định anh bị rơi chiếc điện thoại chứ không phải bị các đối tượng đánh để lấy điện thoại. Căn cứ vào lời khai của Tô Văn H, Đỗ Xuân T và các tài liệu khác chứng cứ thu thập được xác định, hành vi H lấy chiếc điện thoại của T trong vụ án này không cấu thành tội phạm về sở hữu được qui định trong BLHS, do đó cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với H về hành vi này. Hiện tại cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho anh T, anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì.

Trong quá trình đánh anh T, Tô Văn D có sử dụng 01 vật dạng súng ngắn để đe dọa T, sau đó D đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra. Ngày 05/4/2021, cơ quan điều tra công an huyện Q đã trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định 01 vật bằng kim loại dài khoảng 20cm có hình dạng súng ngắn do Tô Văn D giao nộp. Tại bản kết luận giám định số 1348/PC09 ngày 13/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh hóa kết luận: 01 vật bằng kim loại màu xám có hình dạng súng ngắn, thuộc danh mục đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng. Trên cơ sở đó công an

huyện Q đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Tô Văn D về hành vi Tàng trữ trái phép đồ chơi nguy hiểm.

Ngoài hành vi đánh gây thương tích cho Đỗ Xuân T các đối tượng D, H, H, L, T, C, Q, S đã sử dụng một số vật dụng trong quán Beerchill để ném, đánh T, hậu quả đã làm vỡ 30 chiếc cốc thủy tinh, hư hỏng 02 cối xay của máy say sinh tố nhãn hiệu Philips, 01 cối ép của máy ép hoa quả nhãn hiệu Philips. Theo báo cáo của chị Đặng Thị Q (chủ quán) tổng trị giá tài sản bị thiệt hại khoảng 1.200.000đ. Ngày 02/02/2021 cơ quan điều tra trung cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương định giá số tài sản của chị Q bị hư hỏng. Ngày 17/02/2021 Hội đồng định giá tài sản huyện Q kết luận: tổng trị giá tài sản bị hư hỏng là 1.140.000đ, sau khi xảy ra sự việc các đối tượng D, H, H, L T, C, Q, S đã tự nguyện bồi thường cho chị Quỳnh số tiền 1.140.000đ, chị Q không yêu cầu gì thêm. Do giá trị tài sản bị hư hỏng dưới 2 triệu đồng, hành vi trên chưa đủ cơ sở xử lý hình sự về tội H hoại tài sản, nên không xử lý về hình sự, công an huyện Q đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với D, H, H, L, T, C, Q, S.

Đối với các phương tiện các đối tượng sử dụng phạm tội: Xe mô tô Wave BKS: 36B7- 50315 Tô Văn D điều khiển là của chị Ưông Thị X (mẹ D) ở thôn 3, xã Q, huyện Q, đăng ký xe mang tên chị X; xe mô tô Hon da Wave anpha BKS 36B7- 398.82 L điều khiển của anh Trịnh Viết K (bố L) ở thôn Nga L, xã Q, huyện Q, đăng ký mang tên anh K; xe mô tô Hon da Vision BKS; 36B7- 808.28 T điều khiển là xe của chị Lê Thị H (vợ C) ở thôn 3, Q, huyện Q; xe mô tô Wave RSS BKS: 36B4- 523.13 Q điều khiển là của Nguyễn Xuân T (bố Q) ở thôn P, xã Q, huyện Q. Qua xác minh các phương tiện trên đều có giấy tờ hợp pháp, gia đình các bị cáo không biết việc các bị cáo D, L, T, Q sử dụng những chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, do đó cơ quan điều tra không xem xét thu giữ các phương tiện trên.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 con dao inox dài 30,5cm Tô Văn D đã sử dụng chém T, qua điều tra xác định là con dao D lấy tại quán chị Đặng Thị Q, do đó cần trả lại con dao trên cho chị Q là phù hợp. Chiếc bật lửa có dạng hình súng dài khoảng 20cm do Tô Văn D giao nộp; 04 mảnh gạch màu đỏ, 01 túi đựng dao màu đen, 01 chiếc dép. 03 mảnh cốc thủy tinh là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy (hiện các tang vật trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Q).

Đối với 02 chiếc gây 03 khúc Phạm Văn S, Nguyễn Văn T sử dụng gây thương tích cho anh Đỗ Xuân T, trên đường về S và T đã vứt đi không xác định được vị trí vứt, nên không thu hồi được các hung khí trên để xử lý.

Quá trình điều tra xác định Tô Văn D đã sử dụng điện thoại liên lạc rủ Nguyễn Văn T đi đánh nhau, sau đó Nguyễn Văn T tiếp tục gọi điện thoại rủ Lê Bá C tham gia. Tuy nhiên 03 chiếc điện thoại trên các đối tượng đã làm mất nên không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS-QX ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hoá truy tố Tô Văn D, Nguyễn Văn T, Lê Bá C, Phạm Văn S, Nguyễn Xuân Q, Trịnh Viết L, Tô Văn H, Cao Anh H về tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hoá hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng

1. Tô Văn D: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 26 đến 29 tháng tù.

2. Nguyễn Văn T: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 33 tháng tù.

3. .Phạm Văn S: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 27 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo

4. Lê Bá C: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 27 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo

5. Nguyễn Xuân Q: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo

6. Trịnh Viết L: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo

7.Tô Văn H: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo

8. Cao Anh H: điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo

Về phần bồi thường: Buộc và chấp nhận sự nguyện của các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 65.000.000đ là phù hợp, các bị cáo không phải bồi thường thêm.

Về vật chứng: Trả lại cho chị Đặng Thị Q: 01 con dao inox dài 30,5cm. Số vật chứng gồm: 01 vật bằng kim loại hình dạng màu đen bạc giống súng ngắn dài 15cm; 04 mảnh gạch màu đỏ; 01 túi đựng dao màu đen; 03 mảnh cốc thủy tinh là công cụ phạm tội, hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Q theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2021 đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa hôm nay phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo D, L, Q có ý kiến: Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Về đánh giá mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ để áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Q, bị cáo L như Viện kiểm sát đánh giá là phù hợp và không có ý kiến gì. Riêng bị cáo D chưa đủ cơ sở pháp lý để áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là “ Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” qui định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng này và bị cáo D chưa tiền án, tiền sự, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, bồi thường khắc phục hậu quả được qui định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 BLHS đề nghị áp dụng Điều 54; Điều 91; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của BLHS để xử dưới khung và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo H và bị cáo H có ý kiến: Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân các bị cáo chưa tiền án, tiền sự, phạm tội do nhất thời và chưa đủ 18 tuổi, vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và bồi thường khắc phục hậu quả được qui định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS xử dưới khung hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cải tạo trở thành người tốt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Về hình phạt đề nghị đưa ra mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo. Về phần bồi thường: Quá trình điều trị vết thương một số chi phí mua thuốc, điều trị không có giấy tờ nhưng là chi phí hợp lý, theo tính toán thống nhất với gia đình bị hại đề nghị các bị cáo phải liên đới bồi thường cho gia đình bị hại số tiền tổng là: 75.918.892 đ, các bị cáo đã bồi thường 65.000.000đ, đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 10.918.892đ.

Người diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại không có ý kiến gì bổ sung.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Lời khai của các bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với báo cáo của ng-ời bị hại, ng-ời làm chứng cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ mâu thuẫn giữa Tô Văn D và Đỗ Xuân T. Khoảng 22h ngày 02/01/2021 tại quán trà chanh Beerechil ở thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Tô Văn D đã rủ Tô Văn H, Cao Anh H, Trịnh Viết L, Nguyễn Văn T đến đánh anh T, đối với T khi được D rủ đã trực tiếp rủ thêm Lê Bá C, Phạm Văn S, Nguyễn Xuân Q cùng tham gia đánh anh T, các bị cáo sử dụng dao, gậy ba khúc, bật lửa dạng súng ngắn, ghê, ống điều thuốc lảo, gạch, cốc thủy tinh là hung khí nguy hiểm ném, đánh, chém gây thương tích cho anh Đỗ Xuân T mất 12% sức khỏe. Nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố Tô Văn D, Nguyễn Văn T, Lê Bá C, Phạm Văn S, Nguyễn Xuân Q, Trịnh Viết L, Tô Văn H, Cao Anh H về tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của các bị cáo có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: “Cố ý gây th-ơng tích”. Do các bị cáo dùng dao, gậy ba khúc, bật lửa dạng súng ngắn, ghê, ống điều thuốc lảo, gạch, cốc thủy tinh là hung khí nguy hiểm ném, đánh, chém gây thương tích cho anh Đỗ Xuân T làm anh T mất 12% sức khỏe, do vậy các bị cáo phải chịu chung tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS và phải chịu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

[3]. Về tính chất vụ án: Đây là vụ án cố ý gây th-ơng tích có nhiều bị cáo tham gia, có bị cáo đã thành niên, có bị cáo đang ở độ tuổi vị thành niên, bản thân các bị cáo đều là những đối t-ợng thiếu sự th-ờng xuyên quan tâm, giám sát, giáo dục của gia đình, nên các bị cáo đã tụ tập với nhau để khi có ng-ời khởi x-ớng, rủ rê là tất cả h-ớng ứng và tập trung để đi đánh nhau và hậu quả trong vụ án này đã, ném, đánh, chém ng-ời bị hại gây th-ơng tích làm anh Trường mất 12% sức khỏe. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo hết sức manh động, xem th-ờng pháp luật, xâm phạm và gây tổn hại đến thân thể, sức khỏe của ng-ời khác, làm mất trật tự trị an nơi công cộng, gây d- luan xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải đ-ợc xử lý nghiêm minh.

[4] Về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo gây th-ơng tích cho ng-ời bị hại nh-ng không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể với nhau từ trước, khi có người rủ thì đồng ý tham gia, và tự hiểu ý nhau, nên các bị cáo thực hiện

hành vi d-ới hình thức đồng phạm giản đơn. Bị cáo D giữ vai trò là người khởi xướng việc gây thương tích cho anh T, là người rủ các đối tượng khác tham gia, đồng thời trực tiếp cầm dao chém anh T, do đó D giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T sau khi được D rủ đã đồng ý và trực tiếp rủ thêm các đối tượng khác tham gia, là người chuẩn bị gây ba khúc và là người trực tiếp cầm gây ba khúc đánh anh T, nên T giữ vai trò thứ hai. Bị cáo S cũng là người trực tiếp cầm gây ba khúc đánh anh T và bị cáo H, C, H, L, Q là những người thực hành tích cực cùng tham gia lấy gạch, cốc, ghế, điều thuốc lảo bằng tre để tham gia ném và đánh anh T nên xếp vai trò ngang nhau và đứng thứ ba trong vụ án.

[4.1]. Bị cáo D, T, nhân thân đều chưa tiền án tiền sự, như đánh giá ở trên bị cáo D là người khởi xướng, đầu vụ trực tiếp cầm dao gây thương tích cho anh Trường, vì vậy phải chịu mức án cao nhất. Bị cáo T là người tham gia tích cực khi được D rủ không những đồng ý mà còn gọi thêm các đối tượng khác tham gia cùng, là người trực tiếp dùng gây ba khúc đánh anh T nên phải chịu mức án cao thứ hai. Bị cáo D có hành vi rủ Tô Văn H, Cao Anh H, Trịnh Viết L (là người chưa thành niên), bị cáo T là người rủ Nguyễn Xuân Q (là người chưa thành niên) tham gia đánh gây thương tích cho anh T, nên cả hai bị cáo đều có chung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS như Viện kiểm sát đề nghị áp dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 90 của BLHS. Xét tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng của Dũng, T thì việc cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo một phần vì cả hai đều thành khẩn khai báo, các bị cáo đã tác động cùng gia đình tự nguyện bồi thường một phần tiền để khắc phục hậu quả cho bị hại được quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4.2]. Đối với bị cáo S, H, L, H, C, Q nhân thân cũng chưa tiền án tiền sự, phạm tội với vai trò sau cùng, hành vi có mức độ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo và các bị cáo đã tác động cùng với gia đình tự nguyện bồi thường một phần tiền để khắc phục hậu quả cho bị hại được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do hành vi của các bị cáo có mức độ, tham gia với vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng khoản 1,2 Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng mức án treo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, trở thành người có ích cho xã hội, tuy nhiên khi lên mức án cũng cần xem xét vai trò tham gia của từng bị cáo để có mức án cho phù hợp.

[4.3]. Đối với bị cáo D, H, L, H, Q, là những bị cáo ngày phạm tội chưa thành niên, nên áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 con dao inox dài 30,5cm Tô Văn D đã sử dụng chém T, qua điều tra xác định là con dao D lấy tại quán chị Đặng Thị Q, chị Q cũng thừa nhận đó là con dao của chị sử dụng trong quá trình bán giải khát tại quán, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại con dao trên cho chị Quỳnh là phù hợp. Đối với 01 vật bằng kim loại hình dạng màu đen bạc giống súng ngắn dài 15cm Tô Văn D sử dụng để uy hiếp anh Trường và đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an; 04 mảnh gạch màu đỏ; 01 túi đựng dao màu đen; 03 mảnh cốc thủy tinh là công cụ phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc dép thu được tại hiện trường là vật không có giá trị, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 BLHS tịch thu tiêu hủy (hiện các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2021)

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của anh Đỗ Xuân T, thời gian điều trị tại bệnh viện, anh phải chi phí điều trị hết 34.738.000đ, ngoài ra anh T đề nghị bồi thường về sức khỏe một lần là 50.000.000đ. Tổng số tiền anh T yêu cầu bồi thường là 94.738.000đ. Tuy nhiên các tài liệu có trong hồ sơ anh T chỉ cung cấp cho cơ quan điều tra 02 hóa đơn của Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương về số tiền 1.668.892đ, số tiền điều trị thương tích còn lại anh T tự thống kê báo cáo, không cung cấp được hóa đơn. Tại bản trình bày của anh ngày 17/6/2021 gửi tòa án, anh có nêu tiền thuốc và viện phí của anh quá trình điều trị đã được bảo hiểm chi trả nên anh không có hóa đơn, ngoài ra các khoản khác như thẩm mỹ, là tai, anh chưa đi làm nên chưa có hóa đơn, anh chỉ trình bày như vậy và đề nghị tòa án xem xét. Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T đề nghị các bị cáo phải bồi thường tổng là 75.918.892đ, (trong đó; Tiền thuốc, viện phí tại bệnh viện 1.668.892đ; tiền xe cấp cứu 250.000đ; tiền công không lao động trong 10 ngày điều trị: 200.000đ/ngày x 10 ngày = 2.000.000đ; tiền công 01 người chăm sóc trong 10 ngày điều trị là: 200.000đ/ngày x 10 ngày = 2.000.000đ. Tiền bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 70.000.000đ). Các bị cáo đã bồi thường 65.000.000đ, đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là: 10.918.892đ.

[6.1]. Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không thỏa thuận thống nhất về số tiền bồi thường dân sự cho anh T như gia đình bị hại và anh T yêu cầu, vì vậy hội đồng xét xử căn cứ Điều 590, Điều 288 BLDS 2015 để buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường theo pháp luật và chấp nhận các khoản chi phí hợp lý sau: Về tiền thuốc, tiền viện phí tại bệnh viện: 1.668.892đ có hoá đơn hợp lệ cần được chấp nhận. Tiền xe, tiền mất thu nhập, tiền công người chăm sóc trong thời gian điều trị tại bệnh viện anh không đưa ra tài liệu chứng minh về chi phí hợp lý, nên căn cứ vào thống kê thì đây là chi phí hợp lý và thực tế được chấp nhận cụ thể như sau: tiền xe cấp cứu 250.000đ; tiền

công không lao động trong 10 ngày điều trị: 200.000đ/ngày x 10 ngày = 2.000.000đ; tiền công 01 người chăm sóc trong 10 ngày điều trị là: 200.000đ/ngày x 10 ngày = 2.000.000đ. Tổng 5.918.892đ.

[6.2]. Về khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: anh T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 70.000.000đ. Thấy rằng: căn cứ Điều 590 BLDS 2015 qui định đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm thì mức bồi thường tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước qui định tại thời điểm bồi th- ờng. Nh- phân tích ở trên trong vụ án này anh T bị tổn hại sức khỏe 12%, vì vậy mức tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khoẻ bị xâm phạm không được tính tối đa, Tuy nhiên trong quá trình điều tra, Tô Văn D, Tô Văn H, Cao Anh H, Trịnh Viết L, Nguyễn Xuân Q đã cùng với gia đình đã tự nguyện bồi thường cho T mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ. Riêng Lê Bá C, Phạm Văn S, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo đã bồi thường cho T số tiền 5.000.000đ. Tổng số tiền các bị cáo bồi thường cho anh T là 65.000.000đ, trừ đi khoản chấp nhận như đánh giá ở phần trên là 5.918,892đ thì số tiền còn lại là 59.081.108đ được tính vào tiền bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm cho anh T là phù hợp. Vậy buộc và chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo liên đới bồi thường cho anh T tổng là 65.000.000đ là hoàn toàn phù hợp và hiện nay các bị cáo đã bồi thường cho gia đình anh T số tiền 65.000.000đ và gia đình anh T đã nhận đầy đủ, Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không thắc mắc gì về số tiền từng bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh T, vì vậy chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo về số tiền bồi thường và chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo đã bồi thường xong cho anh T số tiền 65.000.000đ, các bị cáo không phải bồi thường thêm cho anh T

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS (đối với các bị cáo); điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS (đối với Dũng, Tuấn); Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS (Đối với Dũng, Huy, Lâm, Hoàn, Quý); Điều 38 BLHS (đối với Dũng, Tuấn); khoản 1,2 Điều 65 BLHS (đối với Sơn, Huy, Chiến, Hoàn, Lâm, Quý). Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1; điểm a, c khoản 2 ;điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS; khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS năm 2015; Điều 590, Điều 288 BLDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Tô Văn D, Nguyễn Văn T, Lê Bá C, Phạm Văn S, Nguyễn Xuân Q, Trịnh Viết L, Tô Văn H, Cao Anh H phạm tội “Cố ý gây thương tích”

1. Xử phạt: Tô Văn D 26 (hai sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi 11 ngày tạm giam trước (từ 30/01/2021 đến 10/2/2021).

2. Xử phạt: Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ đi 02 tháng 03 ngày tạm giam trước (từ 05/02/2021 đến 08/4/2021).

3. Xử phạt: Phạm Văn S 24 (hai bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt: Lê Bá C 24 (hai bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Xử phạt: Nguyễn Xuân Q 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Xử phạt: Trịnh Viết L 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Xử phạt: Tô Văn H 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Xử phạt: Cao Anh Hoàn 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Bá C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Viết L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân Q cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Tô Văn H, Cao Anh H cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo theo qui định tại khoản 5 Điều 65 BLHS.

Về vật chứng và trách nhiệm bồi thường:

- Trả lại cho chị Đặng Thị Q 01 con dao inox cán gỗ dài 30,5cm
- Tịch thu tiêu hủy 01 vật bằng kim loại hình dạng màu đen bạc giống súng ngắn, dài 15cm; 04 mảnh gạch màu đỏ; 01 túi đựng dao màu đen; 03 mảnh cốc thủy tinh; 01 chiếc dép.

(hiện các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2021)

- Buộc và chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo liên đới bồi thường cho anh Đỗ Xuân T số tiền 65.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo đã liên đới bồi thường xong cho anh Đỗ Xuân T số tiền 65.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), anh Đỗ Xuân T và gia đình anh Đỗ Xuân T đã nhận đầy đủ.

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người bào chữa cho bị cáo D, L, Q, H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ng- ời có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người bào chữa cho bị cáo H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo; Bị hại
- Người Bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Thi hành án DS huyện Q;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

